

CÔNG TY CỔ PHẦN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TẬP ĐOÀN ECI

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ECI GROUP JOINT STOCK COMPANY

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Số: 3010.1/2025/ECI

Independence – Freedom – Happiness

No: 3010.1/2025/ECI

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Ha Noi, October 30, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK HÀ NỘI

DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE ELECTRONIC INFORMATION PORTAL
OF STATE SECURITIES COMMISSION AND HANOI STOCK EXCHANGE

Kính gửi/To: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

- STATE SECURITIES COMMISSION OF VIETNAM
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
- HANOI STOCK EXCHANGE

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ECI

Organization Name: ECI GROUP JOINT STOCK COMPANY

Mã chứng khoán/Stock Code: ECI

Địa chỉ trụ sở chính: Số 45 Hàng Chuối, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội.

Head Office Address: No. 45 Hang Chuoi, Hai Ba Trung Distric, Ha Noi City

Điện thoại/Telephone: 024 39728395 Email:

Người thực hiện công bố thông tin: PHẠM NGỌC HUYỀN

Person Responsible for Disclosure: PHAM NGOC HUYEN

Chức vụ/Position: Nhân viên kế toán

Loại công bố thông tin: ☒ Định kỳ ☐ Bất thường ☐ 24 giờ ☐ Theo yêu cầu

Type of Information Disclosure: ☒ Regularly ☐ Unusual ☐ 24 hours ☐ On request

Nội dung thông tin công bố: Công ty cổ phần Tập Đoàn ECI công bố Báo cáo tài chính Quý III năm 2025.

Content of the Information Disclosure: ECI Group Joint Stock Company announces the QIII 2025 Financial Statements..

Tài liệu được Công ty cổ phần Tập đoàn ECI công bố ngày 30/10/2025 và cập nhật liên tục theo đường dẫn: www.bandotranhanh.vn

The documents were disclosed by ECI GROUP JOINT STOCK COMPANY on October 29, 2025, and will be continuously updated at the following link: www.bandotranhanh.vn

Tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I hereby confirm that the disclosed information is true and I take full responsibility before the law for the content of the disclosed information.

Tài liệu kèm theo:

Attached Documents:

- Báo cáo tài chính Quý III năm 2025..

- QIII 2025 Financial Statements.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

PERSON RESPONSIBLE

FOR INFORMATION DISCLOSURE



PHẠM NGỌC HUYỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ECI

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025



Mẫu số B 01a – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/09/2025	Ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24.665.529.648	27.201.823.087
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.778.867.433	12.704.447.558
1. Tiền	111		1.778.867.433	12.704.447.558
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			8.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.04	-	8.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.614.804.013	5.134.475.219
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	1.529.289.420	3.892.696.069
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	2.483.032.000	39.340.182
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	16.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	2.678.166.498	2.157.098.745
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.07	(1.075.683.905)	(954.659.777)
IV. Hàng tồn kho	140	V.08	1.164.578.484	1.310.745.420
1. Hàng tồn kho	141		3.359.268.838	3.364.179.976
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.194.690.354)	(2.053.434.556)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		107.279.718	52.154.890
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.a	30.378.787	2.225.002
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		60.951.620	49.929.888
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.12.b	15.949.311	-
			16.608.881.725	17.323.056.520
			-	-
II. Tài sản cố định	220		2.603.709.371	3.317.884.166
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	2.603.709.371	3.317.884.166
- Nguyên giá	222		8.603.762.079	8.603.762.079
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.000.052.708)	(5.285.877.913)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		14.000.000.000	14.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.04	14.000.000.000	14.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.172.354	5.172.354
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.b	5.172.354	5.172.354
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		41.274.411.373	44.524.879.607

Mẫu số B 01a – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/09/2025	Ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.220.742.235	13.870.357.109
I. Nợ ngắn hạn	310		10.139.298.937	11.539.140.615
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	6.887.114.197	6.816.522.589
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.606.112	6.829.868
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.a	196.766.785	201.500.119
4. Phải trả người lao động	314		-	201.173.626
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	757.985.414	757.985.414
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.719.063.011	1.636.728.983
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.a	374.659.794	1.728.296.392
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		190.103.624	190.103.624
II. Nợ dài hạn	330		2.081.443.298	2.331.216.494
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15.b	2.081.443.298	2.331.216.494
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.053.669.138	30.654.522.498
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	29.053.669.138	30.654.522.498
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.600.000.000	18.600.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(726.105.307)	(726.105.307)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.633.994.225	2.633.994.225
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		741.277.519	741.277.519
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.804.502.701	9.405.356.061
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.405.356.061	9.192.090.930
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.600.853.360)	213.265.131
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		41.274.411.373	44.524.879.607

Người lập biểu


Phạm Ngọc Huyền

Kế toán trưởng


Đỗ Thị Thơm

Lập, ngày 28 tháng 10 năm 2025

Tổng giám đốc



Lương Thị Khánh Linh

Mẫu số B 02a – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Chi tiêu		Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/06/2025 đến ngày 30/09/2025	Từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/09/2024	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024
Đơn vị tính: VND							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		01	VI.01		967.926.626	159.293.466	3.458.154.741
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02		-	0	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10			967.926.626	159.293.466	3.458.154.741
4. Giá vốn hàng bán		11	VI.02		644.667.567	189.506.351	2.751.545.591
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20			323.259.059	(30.212.885)	706.609.150
6. Doanh thu hoạt động tài chính		21	VI.03	357.050.867	19.263.622	892.797.341	375.432.268
7. Chi phí tài chính		22	VI.04	38.515.117	64.361.077	154.833.008	203.310.819
+ Trong đó: chi phí lãi vay		23		38.515.117	64.361.077	154.833.008	203.310.819
8. Chi phí bán hàng		25	VI.05.a		981.535.963	383.620.572	2.704.866.705
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		26	VI.05.b	574.029.061	1.048.756.971	1.903.522.906	3.645.576.558
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30		(255.493.311)	(1.752.131.330)	(1.579.392.030)	(5.471.712.664)
11. Thu nhập khác		31		-	27.111.339	-	33.622.933
12. Chi phí khác		32			5.602.848	21.461.330	61.494.427
13. Lợi nhuận khác		40			21.508.491	(21.461.330)	(27.871.494)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50		(255.493.311)	(1.730.622.839)	(1.600.853.360)	(5.499.584.158)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		51	VI.07	-	-	-	56.158.729
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		60		(255.493.311)	(1.730.622.839)	(1.600.853.360)	(5.555.742.887)

Người lập biểu
Phạm Ngọc Huyền

Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thơm



Mẫu số B 03a – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.600.853.360)	(5.499.584.158)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	714.174.795	714.174.795
- Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/dự phòng	03	262.279.926	323.766.532
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(892.797.341)	(19.263.622)
- Chi phí lãi vay	06	154.833.008	203.310.819
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.362.362.972)	(4.277.595.634)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(92.762.321)	(5.569.772.849)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	4.911.138	952.223.232
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(46.205.080)	(419.484.840)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(28.153.785)	83.195.581
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		
- Tiền lãi vay đã trả	14	(154.833.008)	(203.310.819)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(147.727.270)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.679.406.028)	(9.582.472.599)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
.x. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
.x. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(16.000.000.000)	(8.000.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.000.000.000	20.000.000.000
.x. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
.x. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	357.235.697	27.154.033
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.642.764.303)	12.027.154.033

Mẫu số B 03a – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: VND


Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
.x. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
.x. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
.x. Tiền thu từ đi vay	33		
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.603.409.794)	(374.659.794)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.603.409.794)	(374.659.794)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(10.925.580.125)	2.070.021.640
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.704.447.558	486.576.393
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.778.867.433	2.556.598.033

Lập, ngày 28 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Ế toán trưởng

Tổng giám đốc


Phạm Ngọc Huyền


Đỗ Thị Thon



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI, trước đây là Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh giáo dục, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bàn đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDDT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102137109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2007 và thay đổi lần thứ 06 ngày 21 tháng 03 năm 2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 18.600.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2025: 18.600.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 45 Hàng Chuối, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25 tháng 05 năm 2009 với mã chứng khoán là “ECT”.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

In ấn; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thực phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Không có đặc điểm hoạt động nào gây ảnh hưởng trọng yếu cần thiết phải công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ kế toán trước so sánh được với số liệu của kỳ kế toán này.

7. Số lượng nhân viên

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty có 10 nhân viên (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 24 nhân viên).

8. Cấu trúc Công ty
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI có 01 (một) Công ty con. Chi tiết như sau:

Tên đơn vị		Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Ngày 30/09/2025		Ngày 01/01/2025	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Bán đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI		45 Hàng Chuối, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	In ấn; Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;	80,0%	80,0%	80,0%	80,0%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06.

2. Đơn vị tiền tệ

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016, và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài Công ty nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

b. Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

c. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Phân loại các khoản cho vay khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản cho vay có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản cho vay có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định ("TSCĐ")

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06
- Phương tiện vận tải	06
- Thiết bị văn phòng	03 - 04

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá, khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận tài sản trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước;
- Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa chi phí đi vay

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

a. Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu cho thuê

Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

d. Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

e. Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư,... được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí đi vay và phát hành trái phiếu, chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư, dự phòng đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chi phí tài chính khác.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác,...

14. Nguyên tắc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

16. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

17. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 30/09/2025</i>	<i>Ngày 01/01/2025</i>
- Tiền mặt	1.761.311.061	499.560.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.556.372	12.204.887.558
Cộng	1.778.867.433	12.704.447.558

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Ngày 30/09/2025</i>	<i>Ngày 01/01/2025</i>
a. Ngắn hạn	1.529.289.420	3.892.696.069
- Công ty TNHH TM DV Chiến Đức	-	2.364.936.000
- Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	477.435.915	477.435.915
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Sơn La	333.570.539	333.570.539
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Hải Dương	281.216.200	281.216.200
- Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	165.000.000	-
- Các khách hàng khác	272.066.766	435.537.415

b. Dài hạn

- -

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.c).

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<i>Ngày 30/09/2025</i>	<i>Ngày 01/01/2025</i>
a. Ngắn hạn	2.483.032.000	39.340.182
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu nông sản nhiệt đới toàn cầu	2.365.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	118.032.000	39.340.182

b. Dài hạn

- -

Ghi chú:

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Ngày 30/09/2025		Ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a.1 Ngắn hạn			8.000.000.000	8.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000
a.2 Dài hạn	-	-	-	-
Cộng			8.000.000.000	8.000.000.000

Ghi chú:

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và dưới 12 tháng, lãi suất 4,5%/năm.

	Ngày 30/09/2025			Ngày 01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Đầu tư vào công ty con	14.000.000.000		-	14.000.000.000		-
- Công ty Cổ phần Bản đồ và tranh ảnh Giáo dục ECI	14.000.000.000	(*)	-	14.000.000.000	(*)	-
Cộng	14.000.000.000		-	14.000.000.000		-

Ghi chú:

(*) Tại ngày 30/06/2025 và ngày 01/01/2025, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này đề thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngày 30/09/2025	Ngày 01/01/2025
a. Ngắn hạn	16.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Đại Dương	16.000.000.000	
b. Dài hạn	-	-
Cộng	16.000.000.000	-

Ghi chú:

-

6. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30/09/2025		Ngày 01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.678.166.498	-	2.157.098.745	-
- Tạm ứng	2.675.382.384	-	2.009.600.000	-
+ Bà Phạm Ngọc Huyền	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
+ Các cá nhân khác	675.382.384	-	9.600.000	-
- Phải thu khác	2.784.114	-	147.498.745	-
+ Lãi dự thu		-	144.493.151	-
+ Phải thu thuế TNCN	2.784.114	-	3.005.594	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	2.678.166.498		2.157.098.745	

7. NỢ XẤU

	Ngày 30/09/2025		Ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.346.403.252	(1.075.683.905)	1.517.530.932	(954.659.777)
<i>Trong đó:</i>				
- Phải thu khách hàng	1.346.403.252	(1.075.683.905)	1.517.530.932	(954.659.777)
+ Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	477.435.915	(334.205.141)	477.435.915	(238.717.958)
+ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Sơn La	333.570.539	(333.570.539)	333.570.539	(328.213.739)
+ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Hải Dương	281.216.200	(196.851.340)	281.216.200	(150.900.780)
+ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Giang	151.685.892	(151.685.892)	151.685.892	(151.685.892)
+ Các khách hàng khác	102.494.706	(59.370.993)	273.622.386	(85.141.408)
Cộng	1.346.403.252	(1.075.683.905)	1.517.530.932	(954.659.777)

8. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30/09/2025		Ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Thành phẩm	2.479.409.142	(1.833.275.347)	2.483.536.548	(1.692.019.549)
- Hàng hóa	879.859.696	(361.415.007)	880.643.428	(361.415.007)
		-		
Cộng	3.359.268.838		3.364.179.976	(2.053.434.556)

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	342.503.748	7.821.189.700	440.068.631	8.603.762.079
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	342.503.748	7.821.189.700	440.068.631	8.603.762.079
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	342.503.748	4.523.955.857	419.418.308	5.285.877.913
2. Tăng trong kỳ	-	706.532.499	7.642.296	714.174.795
- Khấu hao tăng trong kỳ	-	706.532.499	7.642.296	714.174.795
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	342.503.748	5.230.488.356	427.060.604	6.000.052.708
III. Giá trị còn lại				
1. Số dư đầu năm	-	3.297.233.843	20.650.323	3.317.884.166
2. Số dư cuối kỳ	-	2.590.701.344	13.008.027	2.603.709.371

Ghi chú:

- Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.590.701.344 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 3.297.151.668 đồng) đã được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh V.15).

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 là 2.910.743.153 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.910.743.153 đồng).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
2. Số tăng trong kỳ						
- Thuế TSCĐ thuế tài chính trong năm						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong kỳ						
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính						
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ						
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm						
2. Tăng trong kỳ						
- Khấu hao tăng trong kỳ						
- Tăng khác						
3. Giảm trong kỳ						
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính						
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ						
III. Giá trị còn lại						
1. Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
2. Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-	-

Ghi chú:

- Tiền thuế phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm
- Căn cứ để xác định tiền thuế phát sinh thêm
- Điều khoản gia hạn thuế hoặc quyền được quyền mua tài sản

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	-			-
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
- Mua trong năm			-	-
- Tăng khác			-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác				-
4. Số dư cuối kỳ	-	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm				-
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	-
- Khấu hao tăng trong kỳ				-
- Tăng khác			-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác				-
4. Số dư cuối kỳ	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại				
1. Số dư đầu năm	-	-	-	-
2. Số dư cuối kỳ	-	-	-	-

Ghi chú:

- Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 456 đồng (Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 là 77.778 đồng) đã được thể chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh V.15).

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 là 9.999 đồng (Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 là 88.888 đồng).

13. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Nhà	Nhà và quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	BDS khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm						-
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Phân loại từ TSCĐ hữu hình						-
- Phân loại từ TSCĐ vô hình						-
3. Số giảm trong kỳ						-
4. Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm						-
2. Tăng trong kỳ						-
- Khấu hao tăng trong kỳ						-
3. Giảm trong kỳ						-
4. Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại						
1. Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
2. Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-	-

Ghi chú:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, bất động sản đầu tư có giá trị còn lại là ... VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là ... VND) đã được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Xem thuyết minh V.18).

- Nguyên giá BDSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2023. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không thấp hơn giá trị ghi sổ tại ngày này.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Ngày 30/09/2025</i>	<i>Ngày 01/01/2025</i>
a. Ngắn hạn	30.378.787	2.225.002
- Chi phí công cụ, dụng cụ	-	2.225.002
- Dịch vụ mua ngoài	30.378.787	-
b. Dài hạn	5.172.354	5.172.354
- Chi phí khác	5.172.354	5.172.354
Cộng	35.551.141	7.397.356

11. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	<i>Ngày 30/09/2025</i>		<i>Ngày 01/01/2025</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
a. Ngắn hạn	6.887.114.197	6.887.114.197	6.816.522.589	6.816.522.589
- Xí nghiệp Bản đồ 1 - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ	4.027.766.051	4.027.766.051	4.027.766.051	4.027.766.051
- Công ty TNHH Thiết bị giáo dục Đông Á	1.219.401.275	1.219.401.275	1.219.401.275	1.219.401.275
- Công ty TNHH Một thành viên In Quân đội 2	752.000.000	752.000.000	752.000.000	752.000.000
- Các nhà cung cấp khác	887.946.871	887.946.871	817.355.263	817.355.263
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	6.887.114.197	6.887.114.197	6.816.522.589	6.816.522.589

	<i>Ngày 30/09/2025</i>	<i>Ngày 01/01/2025</i>
c. Số nợ quá hạn thanh toán		
- Xí nghiệp Bản đồ 1 - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ	4.027.766.051	4.027.766.051
- Công ty TNHH Thiết bị giáo dục Đông Á	1.219.401.275	1.219.401.275
- Công ty TNHH Một thành viên In Quân đội 2	752.000.000	752.000.000
- Nhà máy In Bản đồ - CN CTY TNHH MTV Nhà xuất Bản Tài nguyên Môi trường	138.683.878	138.683.878
- Công ty TNHH Thiết kế và Quảng cáo Hướng Nam	178.085.000	178.085.000
- Công ty TNHH Một thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	36.861.818	36.861.818
- Phải trả nhuận bút cho tác giả	21.528.930	21.528.930
- Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Hà Nội	60.189.950	60.189.950

d. Phải trả người bán là các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.c).

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Ngày 01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Ngày 30/09/2025
a. Phải nộp	201.500.119	173.846.690	178.580.024	196.766.785
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.666.912	-	-	14.666.912
Thuế thu nhập cá nhân	17.029.761	1.043.244	5.776.578	12.296.427
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	169.803.446	169.803.446	169.803.446	169.803.446
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	Ngày 01/01/2025	Phát sinh giảm	Phát sinh tăng	Ngày 30/09/2025
b. Phải thu	-	-	15.949.311	15.949.311
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	15.949.311	15.949.311

Ghi chú:

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30/09/2025	Ngày 01/01/2025
a. Ngắn hạn	757.985.414	757.985.414
- Trích trước phí nhuận bút	757.985.414	757.985.414
b. Dài hạn	-	-
Cộng	757.985.414	757.985.414

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngày 30/09/2025	Ngày 01/01/2025
a. Ngắn hạn	1.719.063.011	1.636.728.983
- Kinh phí công đoàn	320.425.751	314.062.537
- Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	64.289.427	-
- Thù lao HĐQT, BKS	88.690.000	88.690.000
- Thuế TNCN thu thừa	185.324.922	173.643.535
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.058.605.610	1.058.605.610
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.727.301	1.727.301
b. Dài hạn	-	-
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

Ghi chú:

21. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH (TIẾP THEO)

b. Trái phiếu chuyển đổi

STT	Chi tiêu	Ngày 01/01/2025	Phát hành trong năm	Đáo hạn trái phiếu	
				Thực hiện quyền chọn chuyển đổi	Không thực hiện quyền chọn chuyển đổi
1	Kỳ hạn gốc (tháng) Trái phiếu chuyển đổi Trái phiếu chuyển đổi abc				Ngày 30/09/2025
2	Kỳ hạn còn lại (tháng) Trái phiếu chuyển đổi Trái phiếu chuyển đổi abc				-
3	Số lượng (trái phiếu)				-
5	Trái phiếu chuyển đổi abc Lãi suất (%) Trái phiếu chuyển đổi Trái phiếu chuyển đổi abc				-
6	Tỷ lệ chuyển đổi Trái phiếu chuyển đổi Trái phiếu chuyển đổi abc				
7	Lãi suất chiết khấu Trái phiếu chuyển đổi Trái phiếu chuyển đổi abc				
8	Nợ gốc trái phiếu Trái phiếu chuyển đổi Trái phiếu chuyển đổi abc	-		-	-
9	Quyền chọn chuyển đổi Trái phiếu chuyển đổi Trái phiếu chuyển đổi abc			-	-

Ghi chú:

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	9.192.090.930	30.441.257.367
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(3.825.120.048)	(3.825.120.048)
Số dư tại ngày 30/09/2024	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	5.366.970.882	26.616.137.319
Số dư tại ngày 01/01/2025	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	9.405.356.061	30.654.522.498
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(1.600.853.360)	(1.600.853.360)
Số dư tại ngày 30/09/2025	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	7.804.502.701	29.053.669.138

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Ngày 30/09/2025</u>	<u>Ngày 01/01/2025</u>
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Tổ chức, cá nhân khác	18.600.000.000	18.600.000.000
Cộng	18.600.000.000	18.600.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025</u>	<u>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	18.600.000.000	18.600.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	<u>Ngày 30/09/2025</u>	<u>Ngày 01/01/2025</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.860.000	1.860.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.860.000	1.860.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.860.000</i>	<i>1.860.000</i>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	100.000	100.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000</i>	<i>100.000</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.760.000	1.760.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.760.000</i>	<i>1.760.000</i>

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 07/03/2023 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 6% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty thực hiện chốt quyền chi trả cổ tức bằng tiền như sau:

- Ngày đăng ký cuối cùng: 04/12/2023;
- Thời gian thực hiện: 18/12/2023.

Ngày 15/12/2023, Công ty thông báo lùi thời gian chi trả cổ tức đến ngày 22/01/2024.

Ngày 17/01/2024, Công ty thông báo lùi thời gian chi trả cổ tức lần 2 đến ngày 29/02/2024.

Ngày 27/02/2024, Công ty thông báo lùi thời gian chi trả cổ tức lần 3 đến ngày 26/04/2024.

Ngày 19/04/2024, Công ty thông báo lùi thời gian chi trả cổ tức lần 4 đến ngày 28/06/2024.

Ngày 24/06/2024, Công ty thông báo lùi thời gian chi trả cổ tức lần 5 đến ngày 30/09/2024.

Ngày 25/09/2024, Công ty thông báo lùi thời gian chi trả cổ tức lần 6 đến ngày 30/06/2025.

- Quỹ đầu tư phát triển	2.633.994.225	2.633.994.225
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	741.277.519	741.277.519

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a. Tài sản thuê ngoài

- Từ 1 năm trở xuống
- Trên 1 năm đến 5 năm
- Trên 5 năm

b. Tài sản nhận giữ hộ

- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác (số lượng, chủng loại, quy cách, phẩm chất)
- Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, nhận cầm cố, thế chấp (số lượng, chủng loại, quy cách, phẩm chất)

c. Ngoại tệ các loại

- Đô la Mỹ (USD)
- Đồng Euro (EUR)
- Yên Nhật (JPY)

d. Kim khí quý, đá quý

- Chủng loại
- Giá gốc
- Số lượng

e. Nợ khó đòi đã xử lý

-
-
-

f. Các thông tin khác

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024</i>
a. Tổng doanh thu	159.293.466	3.458.154.741
- Doanh thu bán bản đồ, tranh ảnh giáo dục	7.586.533	1.258.028.425
- Doanh thu bán thiết bị giáo dục	1.013.333	1.982.948.711
- Doanh thu bán sách tham khảo	693.600	
- Doanh thu khác	150.000.000	217.177.605
b. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	159.293.466	3.458.154.741
c. Doanh thu đối với các bên liên quan (Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.b).		

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024</i>
- Giá vốn bán bản đồ, tranh ảnh giáo dục	4.709.567	938.043.226
- Giá vốn bán thiết bị giáo dục	653.402	1.613.664.737
- Giá vốn bán sách tham khảo	436.722	
- Giá vốn khác	42.450.862	52.362.985
- Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	141.255.798	147.474.643
Cộng	189.506.351	2.751.545.591

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024</i>
- Lãi tiền gửi	892.797.341	375.432.268

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024</i>
- Chi phí lãi vay	154.833.008	203.310.819
Cộng	154.833.008	203.310.819

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024</i>
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	383.620.572	2.704.866.705
- Chi phí nhân viên	305.373.827	1.899.603.513
- Chi phí vật liệu, bao bì		
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng		
- Chi phí khấu hao tài sản cố định		
- Chi phí bảo hành		
- Chi phí bốc xếp, vận chuyển		33.636.218
- Chi phí hoa hồng môi giới		(171.034.010)
- Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	63.081.817	614.196.325
- Chi phí bằng tiền khác	15.164.928	328.464.659
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	1.903.522.906	3.645.576.558
- Chi phí nhân viên quản lý	687.332.130	1.749.445.781
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	714.174.795	507.657.440
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	121.024.128	179.272.889
- Chi phí thuê nhà, đất	190.434.403	470.943.529
- Chi phí giao dịch, hội nghị		22.450.000
- Dịch vụ phí, chuyển tiền, công văn,...	32.133.148	339.391.379
- Chi phí bằng tiền khác	158.424.302	376.415.540

6. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024</i>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu		
- Chi phí nhân công	992.705.957	2.642.387.263
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	714.174.795	476.116.530
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	253.516.220	932.159.391
- Chi phí bằng tiền khác	326.746.506	256.159.540
Cộng	2.287.143.478	4.306.822.724

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024</i>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.600.853.360)	(5.499.584.158)
- Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán trước thuế	354.114.335	393.579.912
+ Các khoản điều chỉnh tăng	354.114.335	393.579.912
+ Các khoản điều chỉnh giảm		
- Tổng thu nhập chịu thuế	(1.246.739.025)	(5.106.004.246)
- Tổng thu nhập tính thuế	-	-
+ Thuế suất	20%	20%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		56.158.729
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung năm trước		56.158.729

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Không phát sinh.
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không phát sinh.
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ: Không phát sinh.
4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024</i>
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	1.603.409.794	374.659.794
Cộng	1.603.409.794	374.659.794

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

Tên đơn vị	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Học liệu	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	Công ty con
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Ngọc Huyền	Phụ trách kế toán tại Công ty con; Nhân viên công ty, người đại diện công bố thông tin
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng và Người công bố thông tin	Ban điều hành

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024</i>
b.1 Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ		
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. HCM		165.726.000
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam		163.680.000
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	150.000.000	
Cộng	150.000.000	329.406.000

b.2 Các nghiệp vụ khác

Bà Phạm Ngọc Huyền (Tạm ứng)	2.000.000.000	330.000.000
Bà Phạm Ngọc Huyền (Hoàn ứng)	2.000.000.000	1.230.000.000
Bà Phạm Ngọc Huyền (Mượn tiền)		1.804.652.090
Bà Phạm Ngọc Huyền (Trả tiền mượn)		1.804.652.090

b.3 Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

Đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2024 đã thông qua việc không chi trả thù lao năm 2023 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Thù lao năm 2024 được tính vào chi phí, tối đa là 5% lợi nhuận trước thuế. Theo đó, năm 2024 Công ty không có lợi nhuận trên báo cáo tài chính riêng nên không trích và không trả thù lao.

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

	Chức vụ	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024</i>
Nguyễn Tuấn Nam	Tổng Giám đốc		173.320.443
Cao Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc		195.273.872
Hoàng Mai Diệp	Phó Tổng Giám đốc		187.723.670
Đỗ Thị Thơm	Kế toán trưởng		
Cộng			556.317.985

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

c. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

	<u>Ngày 30/09/2025</u>	<u>Ngày 01/01/2025</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh V.02.a)		
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. HCM		229.137
Công ty Cổ phần Bán đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	165.000.000	
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh V.06.a)		
Bà Phạm Ngọc Huyền	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty ...		
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh V.11)		
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	36.861.818	36.861.818
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Thuyết minh V.15.a)		
Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI		1.228.750.000
Công ty ...		

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho rằng hoạt động sản xuất là một bộ phận kinh doanh duy nhất.

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa, thành phẩm	Dịch vụ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	9.293.466	150.000.000	159.293.466
Giá vốn	147.055.489	42.450.862	189.506.351
Lợi nhuận gộp	(137.762.023)	107.549.138	(30.212.885)

3. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo Quyết định số 1213/QĐ-SGDHN ngày 03/10/2025 và số 1214/QĐ-SGDHN ngày 03/10/2025 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty tiếp tục duy trì trong diện bị cảnh báo và kiểm soát đối với cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là “ECI” do vi phạm Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

4. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC kiểm toán và soát xét.

Người lập biểu



Phạm Ngọc Huyền

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thơm

Lập, ngày 28 tháng 10 năm 2025

Tổng giám đốc



Lương Thị Khánh Linh

